

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

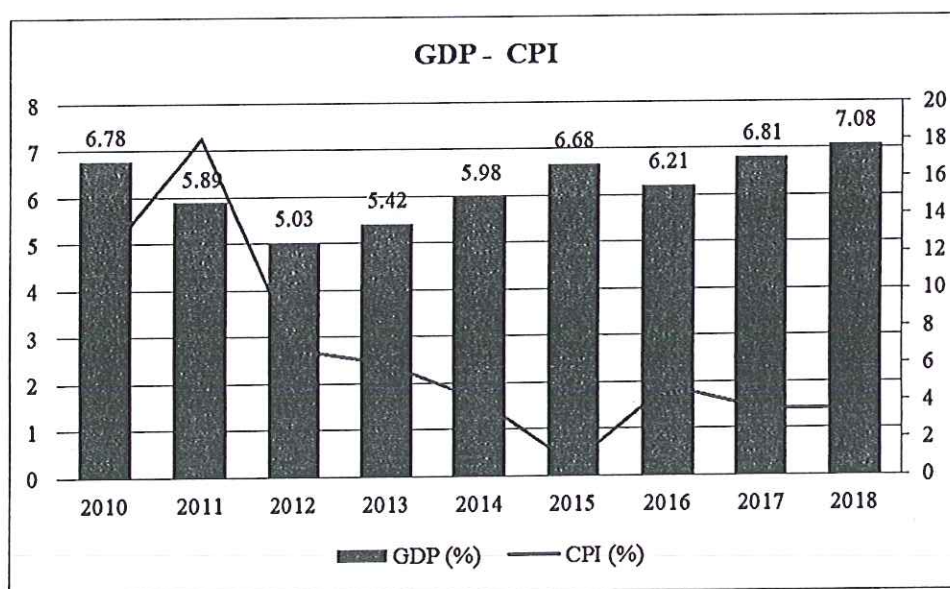
VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH 2018 & KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

PHẦN 1: KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2018

1. Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2018

- **Kinh tế - xã hội** trong nước năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực. Tuy nhiên Kinh tế Việt Nam năm 2018 khởi sắc trên cả ba khu vực sản xuất, cung - cầu của nền kinh tế cùng song hành phát triển. Tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7.08% so với năm 2017 - mức tăng cao nhất 11 năm qua. Chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện. Nền tảng kinh tế vĩ mô được củng cố và từng bước được tăng cường.



- **Tăng trưởng GDP** cả năm 2018 tăng 7.08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu 6.7% đặt ra. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2018, khu vực chủ đạo nhất vẫn là khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8.85%, đóng góp 48.6% vào mức tăng trưởng chung; khu vực dịch vụ tăng 7.03%,

đóng góp 42.7%; Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.76%, đóng góp 8.7%. Cơ cấu kinh tế của Việt Nam tiếp tục chuyển dịch tích cực theo xu hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ. Năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14.57% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34.28%; khu vực dịch vụ chiếm 41.17%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9.98%.

- **Thương mại, Xuất nhập khẩu :** Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm 2018 ước đạt 477.92 tỷ USD tăng +13.03% YoY, cán cân thương mại ước tính sẽ đạt mức kỷ lục, thặng dư 7.21 tỷ USD trong năm 2018, tăng khá mạnh so với mức 2.91 tỷ USD của năm 2017 là năm có giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay, cao hơn rất nhiều mức xuất siêu 2.1 tỷ USD của năm 2017, vượt xa mục tiêu Quốc hội đề ra là tỷ lệ nhập siêu dưới 3%.
- **Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):** FDI đăng ký năm 2018 đạt mức 25.58 tỷ USD (-13.9% YoY) so với cùng kỳ năm trước. Vốn FDI giảm so với năm 2017 là do năm nay không có nhiều dự án tỷ đô như năm ngoái. Trong năm 2018 chỉ có 2 dự án tỷ đô là Đông Anh Smart City của Nhật Bản (USD 4.14 tỷ) và dự án Nhà máy sản xuất polypropylene (PP) và kho ngầm chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) của Hàn Quốc (USD 1.2 tỷ). Tuy nhiên, vốn FDI giải ngân tăng 9.1% so với năm ngoái và đạt 19.1 tỷ USD. Vốn FDI tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến chế, chế tạo và ngành kinh doanh bất động sản. Hà Nội thu hút vốn đầu tư 5,041.6 triệu USD vốn FDI, chiếm 28%, dẫn đầu cả nước.

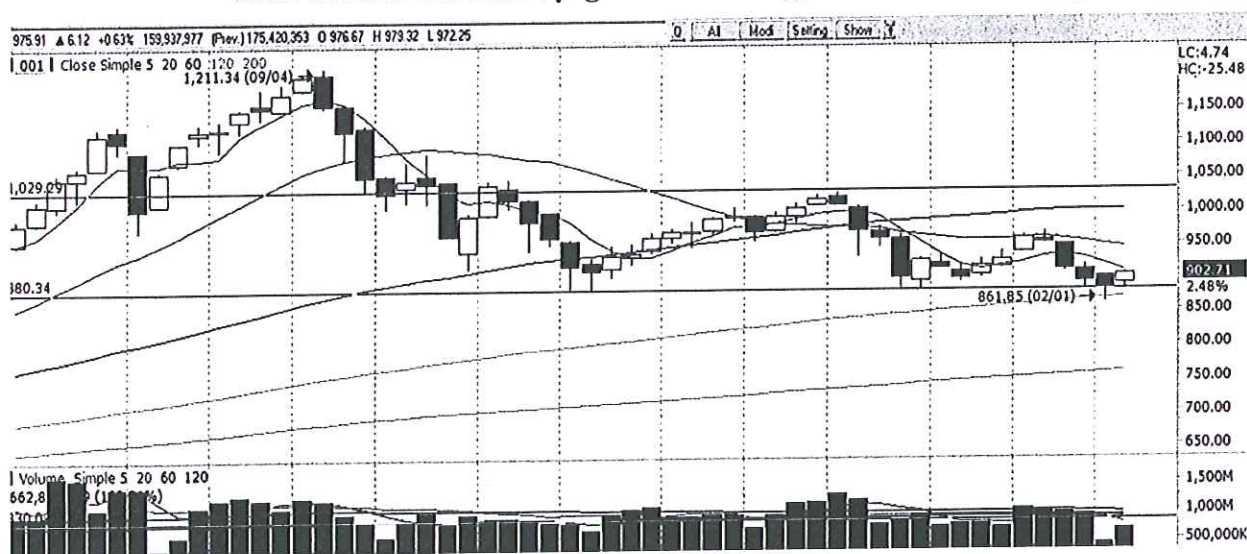
Song song với tăng trưởng kinh tế là nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định với các chỉ tiêu lạm phát, tỷ giá và lãi suất được kiểm soát mức dưới chỉ tiêu đề ra.

- **Lạm phát:** Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2018 là 3.54% so với bình quân năm 2017 và đáp ứng được mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1.48% so với bình quân năm 2017.
- **Tỷ giá:** tỷ giá trong năm 2018 chịu áp lực rất lớn từ sự mất giá của đồng tiền các nước trong khu vực và mức tăng lãi suất USD liên tục của FED trong năm 2018. Tuy nhiên mức tăng tỷ giá liên ngân hàng ở mức 3.26% YTD, tỷ giá tự do cũng tăng 2.27% YTD của Việt Nam được xem là khá phù hợp so với mức giảm từ 5-10% của các nước trên thế giới và trong khu vực.
- **Ngân hàng – Lãi suất:** tăng trưởng tín dụng 2018 đạt khoảng 14% giảm nhẹ so với 2017, huy động vốn ước tính đạt khoảng 16% tương đương năm 2017. Lãi suất có xu hướng tăng nhẹ khi lãi suất tiền gửi bình quân tăng chỉ từ 5.11% năm 2017 lên 5.25% năm. Lãi suất cho vay bình quân khoảng 8.91% (năm 2017: 8.86%).

2. Thị trường chứng khoán năm 2018

Thị trường chứng khoán đã trải qua 1 năm với đầy biến động thăng trầm. Trong hơn 4 tháng đầu năm tăng trưởng tốt, VNIndex đạt mốc đỉnh trong năm 2018 với 1,204.3 điểm vào đầu tháng 4, mốc cao nhất trong các năm qua. Tuy nhiên thị trường đã chịu tác động nhiều tiêu cực trong khoảng thời gian còn lại do các yếu tố vĩ mô từ thế giới và tạo đáy ở mức thấp khi VNIndex chạm 888.82 điểm vào cuối tháng 10. VNIndex đóng cửa năm ở mức 892,54 điểm, so với đầu năm giảm 9.31%.

Diễn biến xu thế biến động TTCK 2018 (qua biểu đồ VNIndex)



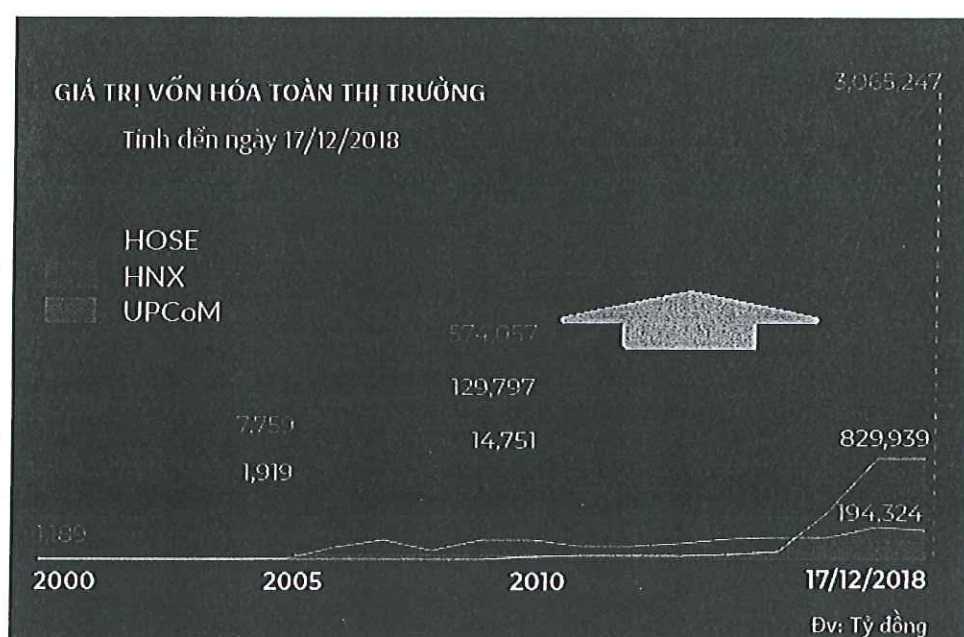
Xu hướng chung là điều chỉnh xen kẽ các kỳ tăng và hồi phục, diễn biến thị trường năm 2018 có thể chia thành 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (từ 2/1/2018 đến 10/4/2018): Chỉ số tăng điểm mạnh 21.73% nhờ KQKD cải thiện và thông tin GDP đạt mức tăng trưởng kỷ lục và FED nâng lãi suất lần đầu vào cuối tháng 3 theo kế hoạch đầu năm. Khối ngoại mua ròng 8,706 tỷ VND trên cả 2 sàn trong 3 tháng đầu năm. Thanh khoản 2 sàn HSX và HNX đạt 8,612 tỷ đồng/ phiên.
- Giai đoạn 2 (từ 12/4/2018 đến 11/7/2018): Chỉ số giảm 23.85% do FED tăng lãi suất lần 2 và tâm lý tiêu cực từ căng thẳng chiến tranh thương mại với tuyên bố sẽ áp thuế lên hàng hóa Trung Quốc của Hoa Kỳ. Thanh khoản 2 sàn đạt 6,979 tỷ đồng/phiên. Thị trường rơi vào trạng thái điều chỉnh sâu do Hoa Kỳ bắt đầu cuộc chiến tranh thương mại với Trung Quốc bằng gói đánh thuế 25% lên 34 tỷ và FED tiến hành nâng lãi suất lần 2 trong năm.
- Giai đoạn 3 (từ 12/7/2018 đến 28/12/2018): Chỉ số giảm nhẹ 0.66%, thị trường trong trạng thái điều chỉnh xen kẽ với các vùng hồi phục. Thanh khoản giảm mạnh còn 4,805

BÁO CÁO KQKD 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

tỷ đồng/phiên. Tâm lý thị trường cẩn trọng và các biến động vĩ mô từ bên ngoài chi phối hoạt động giao dịch trong giai đoạn này.

Tính đến hết 2018, Quy mô vốn hóa của cả 3 sàn đạt 4,004.97 nghìn tỷ đồng tương đương 171.88 tỷ USD, tăng 18.95% so với năm 2017. Quy mô vốn hóa của sàn HSX và HNX đạt 3,071.49 nghìn tỷ đồng tương đương 131.82 tỷ USD, tăng 8.26% so với năm 2017. Quy mô vốn hóa sàn UPCOM tiếp tục áp đảo so với sàn HNX và đạt 933.48 nghìn tỷ tăng 38.68% YoY.. Vốn hóa sàn UPCOM tiếp tục cải thiện mạnh mẽ do thu hút được lượng tiền lớn của nhà đầu tư từ các mã mới lên sàn trong 2018 như POW, VEA, BSR, OIL, MCH.



Thanh khoản Thị trường: Thanh khoản bình quân trên HSX và HNX đạt 6,283 tỷ đồng/phiên, tăng mạnh so với mức 4,805 tỷ đồng/phiên trong 2017, tương ứng tăng thêm 30.75%. Thanh khoản tăng đột biến và đạt mức cao nhất vào tháng 1 với mức thanh khoản trung bình đạt 9,640 tỷ đồng/phiên. Mức thanh khoản cao trên 7,000 tỷ đồng/phiên tiếp tục được duy trì trong 5 tháng đầu năm do tâm lý thị trường hưng phấn sau đà thoái vốn thành công của nhà nước trong 2 tháng cuối năm 2017, cùng với nguồn vốn lớn từ khối ngoại đổ vào thị trường, đặc biệt là ở các mã Blue-Chip. Trong 7 tháng còn lại năm 2018, thanh khoản giảm và biến động mạnh do các yếu tố vĩ mô của thế giới như xung đột thương mại Trung- Hoa Kỳ và sự biến động mạnh từ giá dầu thô tác động tiêu cực đến tâm lý chung của toàn thị trường.

Giao dịch khối ngoại: Khối ngoại tiếp tục là yếu tố dẫn dắt thị trường chứng khoán Việt Nam trong 2018 với mức mua ròng 44,098 tỷ đồng trên cả 3 sàn tương ứng với 1.892 tỷ USD tăng 108% YOY. Trong khi hầu hết các thị trường trong khu vực chứng kiến sự rút chạy của dòng vốn mạnh mẽ, Việt Nam tiếp tục là thị trường nhận được dòng tiền mạnh mẽ trong khu vực

BÁO CÁO KQKD 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

và chỉ sau Trung Quốc và là năm thứ 2 dòng tiền ngoại duy trì mạnh mẽ. Dòng vốn ngoại đổ vào thị trường Việt Nam tiếp tục tăng với tỷ lệ tăng 50.5% so với cuối năm 2017.

II. TỔNG QUAN CHUNG VỀ ABS

1. Đánh giá chung về hoạt động của ABS

Năm 2018 là năm cả thuận lợi và khó khăn cho ABS trên cơ sở diễn biến của thị trường chứng khoán và tình trạng biến động nhân sự mạnh tại ABS. Tuy nhiên, kết quả đạt được ghi nhận sự nỗ lực và hiệu quả hoạt động của công ty. Theo đó, doanh thu hoạt động kinh doanh đạt 93% kế hoạch, và tăng 15% so với năm 2017. Chi phí quản lý doanh nghiệp (chi phí hoạt động) thực tế thấp, đạt 89% so với kế hoạch. Chi phí kinh doanh vẫn cao, chiếm 121% so với kế hoạch và năm 2017 chủ yếu do chi phí từ hoạt động tự doanh trên cơ sở chênh lệch giảm đánh giá lại tài sản FVTPL vào cuối kỳ năm 2018. Chi phí quản lý thực hiện ở mức kiểm soát tốt, đạt 89% kế hoạch, tuy nhiên lại cao hơn thực hiện so với năm 2017 chủ yếu là do chi phí tiền lương (tăng 5% so với 2017) và chi phí văn phòng (tăng 7% so với năm 2017).

Tổng kết lại năm 2018 công ty đạt lợi nhuận thực hiện thực tế là 18,8 tỷ, tăng trưởng 114.89% so với năm 2017, đạt 94.47% so với kế hoạch. Mức lợi nhuận ghi nhận sổ sách sau kiểm toán là 11.2 tỷ VNĐ do Công ty phải trích lập dự phòng 5.7 tỷ cho khoản vay của NHP.

2. Chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2017 (1)	KẾ HOẠCH 2018 (2)	THỰC HIỆN THỰC TẾ 2018 (3)	THỰC HIỆN SỔ SÁCH 2018 (4)	SO SÁNH TH 2018/TH 2017 (4/1)	SO SÁNH TH 2018/KH 2018 (4/2)
I	KẾT QUẢ	8,753,216,803	19,911,635,034	18,809,649,258	11,227,257,968	128%	56%
II	DOANH THU KD	74,386,602,908	90,853,480,843	85,223,958,993	85,223,958,993	115%	93%
II	CHI PHÍ KD	32,795,422,623	32,820,357,609	34,097,631,999	39,832,077,506	121%	121%
III	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	32,919,076,331	38,121,488,200	32,137,201,509	33,985,147,292	103%	89%

3. Các chỉ tiêu tài chính chi tiết:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	SO SÁNH TH 2018/KH 2018
I	KẾT QUẢ KINH DOANH	19,936,635,034	11,227,257,968	56%
II	DOANH THU HOẠT ĐỘNG	90,853,480,843	85,223,958,993	94%

BÁO CÁO KQKD 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

	KINH DOANH			
1	Môi giới chứng khoán	28,768,071,423	28,116,863,084	98%
2	Đại lý phát hành, đấu giá, Phát hành trái phiếu	6,130,000,000	7,467,042,413	122%
3	Lưu ký, quản lý sổ cổ đông	2,000,000,000	2,062,601,932	103%
4	Thu lãi T+2 & cho vay online, mua bán lại chứng khoán	45,505,600,000	37,690,060,396	83%
5	Lãi từ đầu tư chứng khoán, góp vốn	5,751,809,420	7,440,997,532	129%
6	Tư vấn tài chính doanh nghiệp	1,223,000,000	1,992,909,091	163%
7	Tư vấn mua bán sáp nhập (M&A), thu xếp vốn	1,100,000,000	0	0%
8	Cho thuê tài sản	375,000,000	453,484,545	121%
II	CHI PHÍ KINH DOANH	32,795,357,609	39,832,077,506	121%
1	Môi giới chứng khoán	12,370,270,712	12,049,066,130	97%
2	Chi phí đại lý phát hành, đấu giá; Phát hành trái phiếu	4,000,000,000	4,799,500,000	120%
3	Lưu ký, quản lý sổ cổ đông	2,300,000,000	1,876,354,934	82%
4	Chi phí lãi tiền vay, khác	12,336,086,897	10,080,343,200	82%
5	Chi phí từ hoạt động tự doanh	564,000,000	4,725,496,616	838%
6	Tư vấn tài chính doanh nghiệp	1,225,000,000	548,691,001	45%
7	Chi phí cho thuê, sử dụng tài sản		18,180,118	0%
8	Chi phí dự phòng		5,734,445,507	0%
9	Lương kinh doanh bổ sung, thưởng hoàn thành kế hoạch			
III	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	38,121,488,200	33,985,147,292	89%
1a	Lương và các khoản theo lương	20,884,688,200	18,123,150,855	87%
1b	Chi lương T13 cho CBNV và HĐQT		956,865,383	
2	Khấu hao TSCĐ	2,350,000,000	1,679,010,679	71%
3	Chi phí đường truyền	1,000,000,000	731,420,738	73%
4	Chi phí văn phòng (thuê văn phòng, điện thoại, điện nước, CCDC, ...)	8,703,000,000	8,330,186,818	96%
5	Trích lập dự phòng nợ khó đòi	0		
6	Chi phí khác (Quảng cáo, Công tác, sự kiện, hợp tác, dịch vụ ngân hàng, ...)	5,183,800,000	4,164,512,819	80%
IV	THU NHẬP NGOÀI HOẠT ĐỘNG KD		8,334,797,106	
V	CHI PHÍ NGOÀI HOẠT ĐỘNG KD		8,514,273,333	

BÁO CÁO KQKD 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

4. Hoạt động của Khối DVCK:

Tổng quan chung, năm 2018 khối DVCK đạt 54% kế hoạch lợi nhuận sau trích lập dự phòng khoản nợ của NHP. Trong đó, chỉ tiêu về chi phí hoạt động, chi phí phân bổ lần lượt là 87% và 91% nằm trong kế hoạch được giao. Chi phí kinh doanh tăng đáng kể 10% là do khoản trích lập dự phòng 5,7 tỷ NHP.

- Đến 31/12/2018, tổng số điểm giao dịch của ABS là 9 điểm, trong đó điểm giao dịch tại tầng 1 tòa Geleximco được thành lập năm 2018.
- Xây dựng và ban hành quy chế môi giới phát triển khách hàng, điều chỉnh chính sách đối với cộng tác viên với định hướng chuyên môn hóa vai trò của môi giới chăm sóc khách hàng, đồng thời có chính sách riêng biệt đối với môi giới và khách hàng chọn môi giới.
- Hoạt động tín dụng hiệu quả, ổn định và an toàn. Trong đó, công tác thu hồi nợ xấu đạt được những kết quả đáng kể và tín hiệu tích cực: thu toàn bộ nợ của DPS và tài khoản khách hàng Nguyễn Văn Tông, thu 1 phần khoản nợ BII. Hiện đang tiếp tục triển khai thu tiếp khoản nợ còn lại của BII và NHP
- Chương trình Hợp lực chung với các công ty con trong tập đoàn bước đầu gặt hái những kết quả đáng kể. Trong đó, ABS chủ động kết nối với ABB, ABBA xây dựng các sản phẩm cho vay hiệu quả đối với khách hàng của ABS, đồng thời ABS đẩy mạnh các chương trình ưu đãi áp dụng đối với CBNV tập đoàn
- Hệ thống Core giao dịch cơ bản ổn định. Trong năm 2018 Khối DVCK kết hợp với CNTT xây dựng nhiều tiện ích cho khách hàng: giao dịch qua web trên điện thoại di động, mở tài khoản online, đồng thời nỗ lực xây dựng các chức năng mới nhằm hỗ trợ tối đa quá trình giao dịch của khách hàng.
- Thực hiện hoạt động bán chéo trái phiếu AnBình_city thành công
- Các hoạt động đào tạo nội bộ và hội thảo tại các chi nhánh được chú trọng thực hiện trong năm 2018

Kết quả kinh doanh khối DVCK năm 2018

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
KẾT QUẢ KINH DOANH	15,207,455,174	8,241,408,422	54%
I. DOANH THU	76,403,671,423	67,909,267,825	89%
II. CHI PHÍ KINH DOANH	27,031,357,609	29,801,386,589	110%

BÁO CÁO KQKD 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	22,819,192,600	19,965,968,606	87%
IV. PHÂN BỐ CP KHỎI HỖ TRỢ	11,345,666,040	10,348,954,473	91%

5. Hoạt động kinh doanh của Khối IB

Tổng quan chung, năm 2018 Khối IB đạt 70% kế hoạch lợi nhuận, trong đó doanh thu vượt kế hoạch 20% do ghi nhận nghiệp vụ phát hành trái phiếu cho tập đoàn (lần đầu tiên thực hiện nghiệp vụ tư vấn và phát hành trái phiếu). Chi phí hoạt động vẫn được kiểm soát và nằm trong kế hoạch (chiếm 75%). Tuy nhiên chi phí kinh doanh lại ở mức cao 173% do việc chênh lệch giảm đánh giá lại tài sản trong hoạt động tự doanh tại thời điểm 31.12.2018.

a) Phòng Tư vấn tài chính và Hợp tác

- Nỗ lực xây dựng các mối quan hệ với nhiều khách hàng là các Doanh nghiệp/ Tập đoàn lớn/ Định chế tài chính, đưa về nhiều hợp đồng dịch vụ đa dạng và nghiệp vụ mà ABS chưa thực hiện trước đây.
- Tiếp tục duy trì và phát triển các mảng thế mạnh của ABS là Tư vấn thoái vốn, Tư vấn phát hành với tổng số HĐ đã hoàn thành trong năm 2018 là 16 Hợp đồng.
- Lần đầu tiên phân phối thành công 624.2 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp cho tập đoàn Geleximco; đồng thời xây dựng và triển khai hoạt động M&A, thu xếp vốn, thiết lập mạng lưới đối tác và môi giới trên thị trường trong và ngoài nước

b) Phòng Đầu tư và Phân tích

Bộ phận đầu tư tiếp tục bám sát diễn biến thị trường chứng khoán để tái cơ cấu danh mục đầu tư và đề xuất ban lãnh đạo các cơ hội tiềm năng trên thị trường. Ngoài ra, bộ phận đầu tư cũng tích cực triển khai hệ thống báo cáo tình hình vĩ mô và thị trường chứng khoán định kỳ theo hướng chuyên nghiệp hóa nhằm hỗ trợ đội ngũ môi giới và khách hàng thêm thông tin trong quá trình tư vấn đầu tư chứng khoán. Hoạt động phân tích tiếp tục được duy trì của các năm trước, tiếp tục hỗ trợ Khối Dịch vụ chứng khoán xây dựng, và hoàn thiện hệ thống đánh giá tín dụng nhằm nâng cao chất lượng các mã cho vay và giảm rủi ro đối với Công ty.

Kết quả kinh doanh của Khối Ngân hàng đầu tư (IB) năm 2018

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	Tỉ lệ thực hiện so với kế hoạch
KẾT QUẢ KINH DOANH	4,704,179,860	3,283,931,118	70%
I. DOANH THU	14,449,809,420	17,314,691,168	120%

BÁO CÁO KQKD 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

II. CHI PHÍ KINH DOANH	5,789,000,000	10,030,690,917	173%
III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	2,696,000,000	2,030,003,594	75%
IV. CHI PHÍ PHÂN BỐ	1,260,629,560	1,342,137,350	106%

6. Báo cáo tài chính năm 2018 đã qua kiểm toán (Bản scan đính kèm)

PHẦN 2: KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

1. Dự báo nền kinh tế 2019

1.1. Kinh tế thế giới

ABS dự báo nền kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn và tốc độ tăng trưởng thế giới sẽ chững lại trong năm 2019, sau khi những xung đột thương mại, chính sách bảo hộ của các nước trên thế giới được thực hiện, đặc biệt là cuộc chiến tranh thương mại Mỹ – Trung đã làm giảm tốc độ tăng trưởng hầu hết các nước trên thế giới trong 6 tháng cuối năm 2018. Đồng thời xói lên nghi ngại về một cuộc suy thoái hay khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Tháng 10/2018, IMF đã chính thức khẳng định kinh tế thế giới đang khó khăn và hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu xuống 3,7% (giảm 0.2% so với báo cáo trước đó) trong năm nay và năm sau. Đây là lần đầu tiên kể từ tháng 7/2016 IMF hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới. Trong báo cáo này, IMF đã hạ dự báo tăng trưởng của hầu hết các nước trong năm 2019 so với trước đó.

Dự báo của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) về tăng trưởng GDP thế giới năm 2019 như sau:

Quốc gia	Cập nhật tháng 10/2018 (%)			So sánh với thời điểm tháng 6/2018	
	2017	2018F	2019F	2018F	2019F
1. Thế giới	3,7	3,7	3,7	-0,2	-0,2
Mỹ	2,2	2,9	2,5	0,0	-0,2
Nhật Bản	1,7	1,1	0,9	0,1	0,0
Canada	3,0	2,1	2,0	0,0	0,0
Nga	1,5	1,7	1,8	0,0	0,3
Trung Quốc	6,9	6,6	6,2	0,0	-0,2
Ấn Độ	6,7	7,3	7,4	0,0	-0,1
2. Khu vực Châu Âu	2,4	2,0	1,9	-0,2	0,0
Đức	2,5	1,9	1,9	-0,3	-0,2
Pháp	2,3	1,6	1,6	-0,2	-0,1
Italy	1,5	1,2	1,0	0,0	0,0
Tây Ban Nha	3,0	2,7	2,2	-0,1	0,0
Anh	1,7	1,4	1,5	0,0	0,0
3. Nền kinh tế các nước mới nổi và đang phát triển	4,7	4,7	4,7	-0,2	-0,4
4. ASEAN 5	5,3	5,3	5,2	0,0	-0,1
Việt Nam	6,81	6,6	6,5	0,0	0,0

Nguồn: ABS research, IMF

1.2. Kinh tế Việt Nam

- a. **GDP:** Theo dự báo của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), kinh tế Việt Nam vẫn giữ nguyên dự báo tăng trưởng trong năm 2019 là 6,8%, tuy nhiên đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong 2018 về mức 6,9% (so với mức 7,1% trong báo cáo trước đó). Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng duy trì dự báo về tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong 2019 ở mức 6,5%. Riêng Ngân hàng thế giới (WB) đánh giá tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ chững lại ở mức 6,6% trong năm 2019 và giảm 6,5% trong năm 2020.

Chỉ tiêu	Mục tiêu của Chính phủ	Dự báo của IMF	Dự báo của ADB	Dự báo của WB
Tăng trưởng GDP	6,6–6,8%	6,5%	6,8%	6,6%
Tốc độ tăng CPI	4%			
Tổng kim ngạch xuất khẩu	7 –8%			

Nguồn: IMF, ADB, WB, ABSresearch

ABS dự báo GDP Việt Nam ở mức 6,7% trong năm 2019 là phù hợp với sự giảm tốc của đà tăng trưởng nền kinh tế thế giới. Bên cạnh đó, để ổn định nền kinh tế vĩ mô, đặc biệt là ổn định tỷ giá ở mức phù hợp với tình hình kinh tế thế giới, tạo tâm lý ổn định để thu hút vốn dòng vốn nước ngoài cho kế hoạch tăng trưởng dài hạn, có thể chúng ta phải hy sinh tăng trưởng trong ngắn hạn.

- b. **CPI:** ABS dự báo lạm phát của Việt Nam ở mức 4%. ABS nhận định trong năm 2019 áp lực lạm phát không quá lớn do dự báo kinh tế thế giới giảm tốc dẫn tới cầu tiêu dùng có xu hướng giảm.
- c. **Tỷ giá:** Áp lực tăng tỷ giá trong năm 2019 là rất lớn, ABS dự báo mức tăng tỷ giá trong năm 2019 ở mức 4% trên cơ sở:
- Trượt tỷ giá trong năm 2018 chỉ ở mức dưới (-3%), trong khi các nước trong khu vực trước áp lực tăng lãi suất của FED năm 2018 đã có mức giảm khá mạnh như: Ấn Độ (-14,5%), Indonesia (-11,3%), Philippin (-9%), Trung Quốc (-6%). Sự kìm chế tỷ giá trong năm 2018 so với các nước sẽ gây áp lực lên khả năng xuất khẩu của Việt Nam trong năm sau, nên áp lực giảm giá VND để tăng khả năng xuất khẩu, đảm bảo tăng trưởng là hiện hữu.
 - FED tiếp tục lộ trình tăng lãi suất, tạo áp lực cho chính sách điều hành tỷ giá của Việt Nam. Bên cạnh thu hút nguồn vốn mới, việc hạn chế rút vốn ồ ạt của nhà đầu tư nước ngoài nhằm đảm bảo sự ổn định của thị trường tài chính cũng là một mục tiêu. Do đó, biện pháp tăng tỷ giá nhằm hạn chế rút vốn cũng là một phương án để ngăn dòng tiền bị rút ra một cách ồ ạt.

Việt Nam cũng không phải ngoại lệ, tuy nhiên điều tiết tỷ giá ở mức nào hợp lý để tránh việc mất niềm tin vào chính sách tỷ giá ổn định.

- Nền kinh tế Trung Quốc được dự báo tiếp tục tăng trưởng chậm hơn trong năm 2019 có thể khiến NHTW nước này phá giá thêm đồng Nhân dân tệ, từ đó kéo theo khả năng phá giá các đồng nội tệ của các quốc gia xuất khẩu khác và tạo áp lực phá giá đối với đồng Việt Nam.
- d. **Lãi suất:** ABS dự kiến lãi suất huy động tăng thêm 1–2% trong năm do:
 - Hiện nay, trước áp lực FED tăng lãi suất và kế hoạch tăng lãi suất trong năm 2019 đã buộc hầu hết các Ngân hàng trung ương trên thế giới buộc phải tăng lãi suất để cân đối với chính sách của FED, Việt Nam cũng không phải ngoại lệ do kinh tế nước ta có độ mở lớn trong những năm gần đây.
 - Áp lực tỷ giá và chính sách giữ lạm phát ở mức ổn định trong năm 2019 sẽ cộng hưởng áp lực lên ngân hàng Nhà Nước về việc nâng cao sự hấp dẫn của việc nắm giữ tiền đồng và giảm tình trạng đô la hóa.
- e. **Tăng trưởng tín dụng:** ABS dự kiến tăng trưởng tín dụng ở mức khoảng 14% là phù hợp do NHNN sẽ phải thận trọng hơn trong việc cung ứng tiền tệ cho nền kinh tế trước áp lực lạm phát và tỷ giá.

1.3. Dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2019

Chỉ số P/E của HOSE hiện nay đã ở vùng 17 lần, tương đối gần với các thị trường trong khu vực và trên thế giới. TTCK trong năm 2019 được dự báo là năm khó khăn và thách thức do những nguyên nhân:

- Những dấu hiệu giai đoạn 2014–2018 cho thấy TTCK đã kết thúc chu kỳ tăng điểm trong giai đoạn 5 năm và chuẩn bị bước sang giai đoạn điều chỉnh trong những năm tới.
- Mẫu hình chung của TTCK TG giai đoạn cuối năm 2018 có xu hướng giảm sau 1 năm chứng đà tăng điểm (giai đoạn hậu tăng trưởng nóng). Đối diện với xu hướng đảo chiều, giảm trong dài hạn.
- IMF đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới từ mức 3.9% xuống 3.7%, ADB hạ dự báo tăng trưởng của khu vực Châu Á Thái Bình Dương từ mức 5.9% xuống 5.8%. Hầu hết các tổ chức đều cho rằng, rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu đang ngày càng tăng cao, nền kinh tế thế giới đang phải đối diện với nhiều nguy cơ tiềm ẩn về suy thoái và khủng hoảng tài chính.

BÁO CÁO KQKD 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

- Tăng trưởng GDP Việt Nam đứng trước những thách thức do cuộc chiến thương mại và tăng trưởng chậm của kinh tế thế giới. Điều này sẽ làm tổng cầu thế giới giảm, dẫn đến giảm đi đáng kể đóng góp tăng trưởng của khối FDI với nền kinh tế Việt Nam.
- Nếu FED vẫn tiếp tục chính sách tăng lãi suất thì áp lực rút vốn khỏi các thị trường mới nổi tiếp tục sẽ diễn ra. Điều này sẽ hạn chế lại xu hướng dòng vốn đầu tư của NĐT NN vào TTCK Việt Nam.

Mặc dù vậy, đan xen trong chuỗi khó khăn của năm 2019 TTCK Việt Nam dự đoán có thể có nhiều nhịp phục hồi đan xen, là do:

- Hoạt động tái cấu trúc TTCK và nỗ lực nâng hạng thị trường từ sơ khai lên mới nổi được đẩy mạnh, giúp tăng tính minh bạch, giảm thiểu rủi ro thị trường và thu hút thêm dòng vốn;
- Với chủ trương thoái vốn tại các tập đoàn thuộc sở hữu nhà nước đã và đang thu hút được dòng vốn của nhà đầu tư trong và ngoài nước với nhiều thương vụ thoái vốn đáng chú ý như: Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Hàng Không Việt Nam, Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn, GAS, PVD,... từ đó tạo động lực tăng trưởng cho thị trường;
- Các hiệp định thương mại lớn như CPTPP, FTA giữa EU và Việt Nam, FTA giữa ASEAN và Hong Kong... sẽ giúp Việt Nam mở rộng tiềm năng thu hút thêm vốn đầu tư và kiến tạo thêm các cơ hội kinh doanh xuyên biên giới trong thời gian sắp tới.
- Hoạt động chiến tranh thương mại, đặc biệt là cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung giúp tăng dòng vốn đầu tư vào Việt Nam trong ngắn hạn.

⇒ *Tổng quan chung, TTCK Việt Nam kết thúc năm 2018 với mức điều chỉnh giảm nhẹ, và đối diện với nhiều khó khăn, thách thức trong năm 2019.*

III. KẾ HOẠCH KINH DOANH TỔNG HỢP CÔNG TY 2019

1. Tóm tắt kế hoạch 2019

a) Chỉ tiêu chính:

- Tổng phí giao dịch: ~ 27 tỷ
- Số TK: 34.000 tài khoản, trong đó số TK active đạt 5.100 TK, chiếm tỷ lệ 15%.
- Doanh thu lãi vay margin, T+, ứng trước: ~ 43 tỷ VNĐ.
- Dư nợ ký quỹ + ứng trước bình quân: 400 tỷ VNĐ.
- Lợi nhuận khối dịch vụ chứng khoán: 15,6 tỷ VNĐ.

BÁO CÁO KQKD 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

- Lợi nhuận khối IB: 4,6 tỷ VNĐ.
- Tổng lợi nhuận cả công ty: 20 tỷ VNĐ.
- Thị phần môi giới: 0,58%.
- Số phòng môi giới GD: dự kiến tăng từ 1-2 phòng so với hiện tại, hoạt động trên cơ sở các điểm giao dịch hiện tại (không tăng quy mô về mặt bằng để tận dụng vị trí).
- Tiếp tục đẩy mạnh mảng trái phiếu với doanh thu: 5,8 tỷ VNĐ
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và M&A: 2,2 tỷ VNĐ

b) Tổng hợp các chỉ tiêu kế hoạch 2019

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019 TOÀN CÔNG TY

Đơn vị: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019	SO SÁNH 2019 VÀ THỰC HIỆN 2018
I	KẾT QUẢ KINH DOANH	19,911,635,034	11,227,257,968	20,003,873,113	178%
II	DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	90,853,480,843	85,223,958,993	87,268,295,934	102%
II	CHI PHÍ KINH DOANH	32,820,357,609	39,832,077,506	30,585,380,147	77%
III	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	38,121,488,200	33,985,147,292	36,679,042,674	108%

2. Định hướng và tổ chức triển khai:

- Đối với định hướng liên quan đến phí môi giới: Trong điều kiện cạnh tranh về phí môi giới như hiện nay (các công ty chứng khoán liên tục giảm giá đến miễn phí sau thông tư 128 ngày ngày 25 tháng 2 năm 2019), BDH xác định sẽ tiếp tục duy trì mức phí môi giới giữ nguyên như năm 2018.
- Đối với hoạt động tín dụng và cho vay:
 - ✓ Mở rộng tăng trưởng dư nợ cho vay margin thông qua việc cho vay khách hàng đại chúng, khách hàng doanh nghiệp, hoặc/và danh mục OTC nhằm tập trung vào doanh thu lãi vay trong cơ cấu doanh thu của công ty

- ✓ Tăng cường và đẩy mạnh các hoạt động tạo nguồn như: nỗ lực công tác thu hồi nợ nhằm bổ sung vốn trong hoạt động kinh doanh, phát hành trái phiếu, tạo nguồn từ các sản phẩm cho vay với bên thứ ba là các tổ chức tín dụng;
- ✓ Tăng cường quản lý rủi ro và các biện pháp kiểm soát trong quá trình tăng trưởng dư nợ thông qua việc bám sát thị trường và nắm bắt thông tin, thăm doanh nghiệp nhằm đánh giá sát sao nội tại và bản chất doanh nghiệp, liên tục theo dõi tình hình cho vay các mã tại công ty.
- Đối với hoạt động hợp lực và bán chéo với các công ty con trong tập đoàn: tiếp tục phát huy và triển khai hoạt động như năm 2018:
 - ✓ Tiếp tục mở rộng các sản phẩm cho vay hiệu quả với ngân hàng và các công ty con trong tập đoàn;
 - ✓ Thực hiện công tác chuyển địa điểm các chi nhánh của ABS về cùng với các chi nhánh/phòng giao dịch của ABB trên cơ sở hợp lực và gắn kết trong tập đoàn.
- Đối với hoạt động Ngân hàng đầu tư: Tiếp tục đẩy mạnh mảng tư vấn và phát hành trái phiếu, bán lẻ hoặc bán theo lô các sản phẩm trái phiếu, các sản phẩm đầu tư khác, đồng thời thúc đẩy chương trình bán chéo sản phẩm nội bộ giữa IB và DVCK.
- Đối với hoạt động công nghệ thông tin và SPDV:
 - ✓ Tăng cường xây dựng các sản phẩm, dịch vụ, và tiện ích cho khách hàng đặc biệt là các tiện ích online (giao dịch qua web, qua mobilephone, qua hometrading...) nhằm chuyển dịch khách hàng sang giao dịch online theo xu hướng tương lai của thị trường. Tập trung đầu tư phát triển công nghệ giao dịch, trong đó nâng cấp các tiện ích online, xây dựng thêm các công cụ online trên web và điện thoại
 - ✓ Quản lý và vận hành các thiết bị CNTT, vận hành mạng nội bộ, hệ thống core giao dịch, internet, tổng đài, email server, các kết nối mạng tới các Sở... đảm bảo thông suốt, tốc độ và bảo mật.

IV. KẾ HOẠCH CÁC KHỐI, PHÒNG BAN TRỌNG YẾU

1. Khối Dịch Vụ Chứng Khoán

1.1. Chỉ tiêu tài chính:

BÁO CÁO KQKD 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019	SO SÁNH KH 2019/TH 2018
KẾT QUẢ KINH DOANH	15,207,455,174	8,241,408,422	15,643,666,522	189%
I. DOANH THU	76,403,671,423	67,909,267,825	73,363,759,241	108%
II. CHI PHÍ KINH DOANH	27,031,357,609	29,801,386,589	24,796,380,147	83%
III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	22,819,192,600	19,965,968,606	22,723,712,572	124%
IV. PHÂN BỐ CP KHỎI HỖ TRỢ	11,345,666,040	10,348,954,473	10,200,000,000	98%

1.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch:

- Tiếp tục ổn định và đẩy mạnh mảng môi giới bán lẻ, phát triển số lượng nhân viên môi giới, triển khai tích cực quy chế nhân viên môi giới đã ban hành tháng 11/2018 nhằm tổ chức lại hoạt động của các đơn vị kinh doanh và mở rộng thị phần. Hiện tại, quy chế môi giới đã được triển khai tại khu vực Hà Nội đối với cả khách hàng và nhân viên. Dự kiến 6 tháng cuối năm 2019 sẽ triển khai tiếp tại các địa bàn khác trên cơ sở thực tế và rút kinh nghiệm triển khai tại Hà Nội.
- Hoạt động tín dụng, nghiệp vụ đảm bảo thận trọng, quản lý rủi ro chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và HĐQT, vận hành và đáp ứng tốt nhu cầu thay đổi của thị trường, chính sách.
- Tăng tỷ trọng doanh thu từ cho vay (cụ thể tăng các giao dịch vay theo nhóm, theo doanh nghiệp, cho vay OTC bên cạnh việc đẩy cho vay khách hàng đại chúng).
- Nỗ lực tối đa thu hồi khoản nợ còn lại của mã NHP, BII nhằm bổ sung nguồn vốn vào cho hoạt động vay margin
- Tăng cường việc bán chéo sản phẩm giữa 2 khối DVCK và IB, giữa ABS và ngân hàng ABBANK, tận dụng nguồn lực của Ngân hàng để phát triển KH cá nhân và tổ chức.
- Chuyển địa điểm sàn giao dịch của ABS về gần các điểm giao dịch của Ngân hàng (trong năm 2019 dự kiến là Chi nhánh Vũng Tàu và Chi nhánh Đà Nẵng).
- Phối hợp với bộ phận phân tích khối IB để xây dựng hoạt động phân tích chuyên sâu để đánh giá danh mục mã chứng khoán trên cơ sở đánh giá cơ bản và theo dõi sát diễn biến thị trường, từ đó có những khuyến nghị cho vay phù hợp, tổ chức các buổi hội thảo KH.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, đảm bảo bộ máy tinh gọn, hiệu quả. Thực hiện đánh giá KPI để đánh giá năng lực và kết quả làm việc của nhân sự.

BÁO CÁO KQKD 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

- Hệ thống giao dịch: Triển khai chỉnh sửa gói xác thực hai lớp theo quy định của Thông tư 134/UBCK, chỉnh sửa giai đoạn 2 của gói môi giới với việc tính toán hoa hồng cho môi giới và cộng tác viên, thực hiện và đáp ứng theo lộ trình thông báo của Sở HSX về gói công nghệ kết nối 2 Sở và VSD (gói 04), đáp ứng tốt các thay đổi khác của Sở và VSD theo thông báo.
- Duy trì và đẩy mạnh hoạt động chăm sóc khách hàng, quảng bá thương hiệu. Bên cạnh các kênh truyền thông truyền thống như các năm trước đã làm, khối DVCK dự kiến trình TGD thông qua việc mở page facebook.
- Xây dựng website mới thay cho website hiện tại nhằm đem đến cho khách hàng cách tiếp cận thông tin mới mẻ về ABS

2. Khối Ngân hàng đầu tư (IB)

Chỉ tiêu chung của Khối Ngân hàng đầu tư

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019	SO SÁNH KH 2019/TH 2018
KẾT QUẢ KINH DOANH	4,704,179,860	3,283,931,118	4,689,428,133	142%
I. DOANH THU	14,449,809,420	17,314,691,168	13,904,536,693	80%
II. CHI PHÍ KINH DOANH	5,789,000,000	10,030,690,917	5,789,000,000	58%
III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	2,696,000,000	2,030,003,594	2,178,970,000	107%
IV. CHI PHÍ PHÂN BỐ	1,260,629,560	1,342,137,350	1,247,138,560	93%

2.1. Nghiệp vụ Đầu tư và Phân tích

2.1.1. Nghiệp vụ Đầu tư:

a. Định hướng chung:

- Tiếp tục quản lý duy trì danh mục OTC hiện tại;
- Tái cơ cấu danh mục đầu tư OTC, thu hồi bảo toàn vốn tổng danh mục đã đầu tư;
- Đối với danh mục đầu tư tập trung vào những cổ phiếu cơ bản, có thanh khoản và có tiềm năng, có thị giá đang thấp hơn giá trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó xem xét thêm cơ hội đầu tư vào cổ phiếu có kế hoạch thoái vốn của nhà nước trong năm như nhóm cổ phiếu Dầu khí, Hóa chất, Xây dựng, Dệt may...;
- Tiếp tục nghiên cứu những cổ phiếu IPO cổ phần hóa tiềm năng để đầu tư;

- Mở rộng hoạt động phân tích, báo cáo phân tích và định giá cổ phiếu theo yêu cầu nội bộ khối IB; Báo cáo khuyến nghị và chiến lược đầu tư theo tuần; Báo cáo cập nhật vĩ mô theo tháng, quý, năm; Báo cáo chiến lược theo ngành; Hỗ trợ phòng Tín dụng (Khối DVCK) đánh giá danh mục margin.

b. Định hướng thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư:

- Tập trung xem xét và tìm đối tác để thoái cổ phiếu EVF với mục tiêu lợi nhuận từ 5-10%;
- Xem xét thoái nhóm cổ phiếu BSR, VGC hoặc đưa vào danh mục đầu tư dưới 3 tháng trong năm 2019;
- Kết hợp với Doanh nghiệp để lên kế hoạch thoái vốn cổ phiếu SHN đảm bảo thu hồi vốn. (Cơ sở: Sau 3 – 4 năm tái cấu trúc hiện nay SHN đã bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định với doanh thu khoảng gần 1.3k tỷ mỗi năm đồng thời có thể mang lại điểm lợi nhuận đột biến từ các dự án BĐS);
- Đối với các nhóm cổ phiếu còn lại, tập trung xem xét thoái vốn tại từng thời điểm phù hợp nhằm thu hồi và bảo toàn vốn đầu tư.

c. Định hướng đầu tư mới

- Tỷ trọng danh mục đầu tư: Trên cơ sở đánh giá và dự báo thị trường năm sau tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nên tỷ trọng đầu tư danh mục mới ở mức khoảng 13 tỷ VNĐ – chiếm 5% giá trị danh mục đầu tư hiện tại.
- Đầu tư cổ phiếu niêm yết: *Đề xuất chia danh mục cổ phiếu niêm yết thành 2 danh mục đầu tư:*
 - i) Danh mục đầu tư cổ phiếu trung dài hạn (thời gian nắm giữ từ 6–12 tháng);
 - ii) Danh mục đầu tư cổ phiếu ngắn hạn (thời gian nắm giữ dưới 3 tháng).

2.1.2. Nghiệp vụ phân tích

- Xây dựng hệ thống báo cáo theo thời gian trong cả năm 2019 định kỳ Quý, tháng bao gồm các hạng mục báo cáo: Báo cáo nhận định tuần, Báo cáo chiến lược đầu tư, Cập nhật tình hình vĩ mô theo tháng, Báo cáo vĩ mô theo Quý, Báo cáo vĩ mô theo Năm, Thực hiện khảo sát thăm doanh nghiệp, Báo cáo đánh giá tín dụng, Hội thảo nhà đầu tư, Đào tạo nội bộ, Báo cáo Ngành, Báo cáo phục vụ tập đoàn.
- Thực hiện khảo sát doanh nghiệp thực tế xuyên suốt 4 Quý bao gồm các ngành: Dầu khí, BĐS & Dệt may, Ngành năng lượng, Hoá chất, xi măng & Giấy, Nước, Dược, CNTT và Dịch vụ hàng không.

- Xây dựng hệ thống Cơ sở dữ liệu cho Tập đoàn: Tập hợp các thông tin thị trường, quy định, chính sách, báo cáo dữ liệu, dự báo về ngành, lĩnh vực liên quan đến các hoạt động của Tập đoàn nhằm tạo dữ liệu chung để hỗ trợ cho các đơn vị thành viên, tập đoàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như xây dựng kế hoạch và chiến lược kinh doanh.

2.1.3. Hoạt động tư vấn tài chính

Định hướng:

- Duy trì hợp tác với các khách hàng truyền thống (Tập đoàn Geleximco, EVN) và mở rộng các nghiệp vụ có thể hợp tác;
- Tiếp tục khai thác mối quan hệ với các khách hàng đang thực hiện là Tổng công ty/ Tập đoàn lớn;
- Tích cực tiếp xúc và chào thực hiện dịch vụ trên cơ sở đã đặt mối quan hệ hợp tác với SCIC, Tập đoàn Hóa chất, Taseco, Vinaconex,...; các Quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài, các định chế tài chính tạo cơ hội thực hiện các dự án M&A và thu xếp vốn
- Nỗ lực tối đa để ký kết các Hợp đồng tư vấn thoái vốn doanh nghiệp nhà nước (do hoạt động này chỉ còn nguồn công việc trong 1-2 năm tới);
- Phát triển hệ thống bán buôn và bán lẻ thị trường ngách (thu xếp vốn, phát hành trái phiếu): Xây dựng sản phẩm mua bán giữa các thị trường sơ cấp - thứ cấp; Phân phối qua các ngân hàng, định chế tài chính, điện tử hóa công cụ phân phối và quản lý sản phẩm;
- Đẩy mạnh tập trung hoạt động M&A, giới thiệu cơ hội đầu tư và cấu trúc giao dịch cho các thương vụ mua bán cổ phiếu/ trái phiếu/ tăng vốn... để phát triển thương hiệu ABS trên thị trường.

3. Khối Công nghệ thông tin

3.1. Mục tiêu kế hoạch năm 2019

- Vận hành hệ thống mạng nội bộ, giao dịch trực tuyến, Internet văn phòng, tổng đài CallCenter, Email server và các kết nối mạng với các Sở, Trung tâm lưu ký, Ngân hàng; đảm bảo thông suốt, tốc độ, bảo mật, tuân thủ các quy định.
- Quản lý các thiết bị CNTT: máy chủ, tổng đài, firewall, switch, router,... thống kê các thiết bị đã hỏng hoặc sắp hỏng để bảo dưỡng hoặc thay thế.
- Vận hành phần mềm Core theo quy trình và có checklist hàng ngày đảm bảo giao dịch, tránh phát sinh lỗi. Chủ động tự phát triển phần mềm một số tính năng còn thiếu trên hệ thống Core của nhà cung cấp để giảm chi phí.

- Nghiên cứu đề xuất giải pháp Fintech chứng khoán cho công ty.
- Xây dựng các phần mềm phụ trợ đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ và kinh doanh của Công ty.

3.2. Kế hoạch triển khai chi tiết 2019

- Ổn định bộ khung nhân sự hiện tại (6 người), duy trì mỗi vị trí chuyên môn có 2 người có thể backup công việc cho nhau.
- Kiểm tra, theo dõi và vận hành hệ thống Core đảm bảo sẵn sàng cho giao dịch hàng ngày. Phối hợp với Nhà cung cấp tìm nguyên nhân và khắc phục lỗi, giảm tối đa thời gian gián đoạn giao dịch.
- Xây dựng phần mềm ABS Mobile APP.
- Hệ thống mở Tài khoản online.
- Xây dựng hệ thống chăm sóc khách hàng online.
- Phối hợp với bộ phận PR xây dựng website mới thay thế website hiện tại.
- Kết nối App mobile các sản phẩm dịch vụ liên thông với ABBANK.
- Đề xuất phương án phần mềm Core Phái sinh.
- Nâng cấp hệ thống bảo mật, đáp ứng đúng yêu cầu của các sở HNX, HSX, VSD.
- Đầu tư hệ thống SAN và máy chủ phục vụ cho Core Flex.
- Mua license phần mềm hệ điều hành và phần mềm diệt virus bản quyền.
- Quy hoạch và chuẩn hóa lại toàn bộ hệ thống hạ tầng CNTT.
- Đầu tư hệ thống thiết bị kết nối với hệ thống Core mới của Sở GD HSX.
- Di chuyển, sắp xếp lại các server, quy hoạch lại các kết nối mạng Core switch. Tiếp tục cải tạo và nâng cấp kiến trúc mạng cho phù hợp mô hình giao dịch với các Sở và thuận tiện trong việc nâng cấp mở rộng sau này. Giám sát và cập nhật các bản vá lỗi phần mềm Email server, Call Center, File server, máy in, camera giám sát.
- Mua thêm các máy chủ còn thiếu dự phòng theo mô hình đề xuất của nhà cung cấp giải pháp Core.

3.3. Chi phí dự kiến

- Bảo mật an toàn thông tin (Chi phí: 200triệu VNĐ)

BÁO CÁO KQKD 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

Hãng SX	Ghi chú	Chi phí dự kiến
Checkpoint	Mua License đã hết hạn từ tháng 12/2017	Mua mới sau 2019
Watchguard	Mua License đã hết hạn từ tháng 05/2018	200tr (bao gồm phí phạt)

➤ Theo yêu cầu kết nối sát nhập 2 Sở (Chi phí: 340triệu VNĐ)

Hãng SX	Model	Chức năng	Số lượng	Chi phí dự kiến (VAT)
Cisco	ASA5516-FPWR-K9	Tường lửa cho kết nối Sở qua MPLS	2	160tr
Cisco	Router Cisco ISR4331-SEC/K9	Định hướng kết nối đến Sở	2	120tr
Cisco	Cisco WS-C2960X-24TS-L	Switch kết nối	2	60tr

➤ Hệ thống Server theo khuyến nghị của FSS (Chi phí: 1.95 tỷ VNĐ)

Hãng SX	Model	Chức năng	Chi phí dự kiến
HP	Máy chủ rack HP	Ảo hoá các máy chủ cho hệ thống Core Flex	1,2 tỷ
HP	Storage HP	Lưu trữ Cơ sở dữ liệu và dự phòng	650tr
HP	02 SAN Switch	Switch kết nối giữa server và storage	100tr

➤ Phần mềm (Chi phí: 102triệu VNĐ)

Danh mục	Chi phí dự kiến
Chi phí mua duy trì ABS Mobile App trên iOS và Android	10 triệu/năm
Phí duy trì hệ thống chăm sóc khách hàng online qua Chat	12 triệu/ năm
Phí đầu tư hệ thống Website	80 triệu

4. Phòng Tài chính – Kế toán

- Tuyển dụng nhân sự nhằm mục tiêu ổn định hoạt động của Phòng tài chính kế toán
- Tiếp tục kiểm soát kỹ các chi phí, theo dõi và đề xuất ý kiến thiết giảm chi phí. Cập nhật số liệu chính xác, kịp thời, đáp ứng các nhu cầu số liệu phục vụ công tác quản trị.
- Lưu chuyển công việc giữa các nhân sự trong Phòng kế toán để có thể nâng cao nghiệp vụ và hoàn thành tốt công việc khi có sự vắng mặt tạm thời của một trong các thành viên của phòng.
- Có kế hoạch đào tạo nâng cao nghiệp vụ kế toán, tài chính và thuế cho từng thành viên trong phòng theo yêu cầu công việc và trình độ của mỗi người.

- Phối hợp với các bộ phận sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc khai thác các nguồn vốn và sử dụng vốn.
- Chủ động nắm bắt các thay đổi về chính sách Nhà nước liên quan nhằm đảm bảo tính tuân thủ.
- Theo dõi chặt chẽ công nợ, đôn đốc các bộ phận thu hồi kịp thời.
- Phối hợp chặt chẽ với các khối kinh doanh nhằm hỗ trợ các hoạt động kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục tăng cường lập báo cáo, phân tích và theo dõi chính xác các chỉ số, báo cáo theo yêu cầu. Cảnh báo cho Ban lãnh đạo Công ty về các nguy cơ vi phạm chỉ số an toàn tài chính.
- Đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo thanh khoản.
- Thực hiện và hoàn thành đúng hạn theo quy định của Cơ quan thuế, UBCKNN về công tác kiểm toán Báo cáo tài chính 2018, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2018, Quyết toán thuế TNCN, thuế TNDN 2018.
- Thực hiện và hoàn thành đúng hạn theo quy định của Cơ quan thuế, UBCKNN về công tác kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên 2019, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên 2019.
- Thực hiện phát hành hóa đơn điện tử trong năm 2019.

5. Phòng Hành chính – Nhân sự

5.1. Công tác định biên nhân sự và chi phí tiền lương

Định biên nhân sự năm 2019 vẫn tiếp tục định hướng năm 2018, tăng nhân sự kinh doanh, cụ thể là phát triển đội ngũ MGPTKH. Mục tiêu là tuyển đủ nhân sự đạt 116 nhân sự cuối năm 2019, trong đó thêm 13 nhân sự Khối Dịch vụ Chứng khoán, 05 nhân sự Khối Ngân hàng đầu tư và tăng cường thêm 06 nhân sự tại các Khối/Phòng hỗ trợ: Khối Pháp chế – QTRR & KSNB, Phòng TCKT, Phòng NS&HC.

Cơ cấu nhân sự cuối năm 2019: Nhân sự các bộ phận Kinh doanh là 85 người chiếm 73.3% nhân sự toàn công ty và gấp 2.7 lần nhân sự các bộ phận hỗ trợ.

5.2. Công tác tuyển dụng

- Năm 2019, Công tác tuyển dụng tiếp tục được chú trọng nhằm tuyển dụng nhân sự thay thế cho Người lao động nghỉ việc/điều chuyển, lượng nhân sự tuyển tập trung vào Khối DVCK và Khối NHĐT.
- Tập trung tuyển dụng các nhân sự tiềm năng, bổ sung cho đội ngũ cán bộ chủ chốt trong bộ máy tổ chức của ABS.

- Xây dựng bộ mô tả yêu cầu công việc tại tất cả các vị trí, lựa chọn và lọc dữ liệu nhân sự ứng tuyển tại các vị trí để có thể tuyển dụng nhân sự chất lượng trong thời gian nhanh nhất có thể.

5.3. Công tác lương, thưởng

- Xây dựng chương trình “ABS care 2019” với các chế độ ưu đãi dành cho CBNV nhằm khuyến khích, động viên tinh thần làm việc và mong muốn gắn bó lâu dài với ABS của CBNV.
- Đề xuất nâng lương cấp bậc cho các CBNV có mức lương thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định.
- Thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành công việc định kỳ 6 tháng/lần, đề xuất tăng cấp, tăng lương đối với những CBNV đủ năng lực và phẩm chất.

5.4. Công tác đào tạo

- Năm 2019, đẩy mạnh việc đào tạo nội bộ, đào tạo thông qua công việc cho nhân sự mới để giúp họ nắm bắt nhanh công việc và hòa nhập với văn hóa ABS. Khuyến khích các CBNV từ cấp trung trở lên trực tiếp hướng dẫn, đào tạo về công việc và tổ chức các buổi thuyết trình về chính sách, sản phẩm của bộ phận mình tới các bộ phận khác.
- Tiếp tục thúc đẩy việc đào tạo hoàn tất chứng chỉ hành nghề tại tất cả các bộ phận trong Công ty.
- Triển khai mạnh việc luân chuyển các vị trí công việc nội bộ để tạo hứng khởi, đam mê công việc đối với người lao động, đồng thời qua đó tạo nguồn nhân lực kịp thời đáp ứng nhu cầu nhân sự của công ty.
- Phối hợp với các Khối, tìm kiếm và tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng phù hợp với nhu cầu công việc.
- Tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo, các hội thảo về cơ chế chính sách mới của UBCK và Sở giao dịch.

5.5. Công tác xây dựng Quy chế, Quy trình, Quy định

- Rà soát và đề xuất việc sửa đổi những điểm không còn phù hợp tại Quy chế lao động và tiền lương.
- Đề xuất thời gian đánh giá KPI đối với từng bộ phận để việc đánh giá KPI phù hợp với thực tế và đạt hiệu quả nhất.

5.6. Các hoạt động khác

- Tiếp tục duy trì các hoạt động nâng cao tinh thần làm việc của CBNV Công ty, tạo sự đoàn kết, gắn bó giữa CBNV giữa các đơn vị, bộ phận Nhân sự sẽ kết hợp với Ban chấp hành Công đoàn tổ chức những hoạt động tập thể như: tennis, bóng đá, văn nghệ,...
- Ngoài ra, Bộ phận Nhân sự sẽ kết hợp với Ban chấp hành Công đoàn tổ chức đối thoại định kỳ nơi làm việc và hội nghị Người lao động ABS theo đúng Quy chế tổ chức đối thoại và hội nghị người lao động của Công ty.

6. Khối Pháp chế – QTRR & Kiểm soát nội bộ

6.1. Mục tiêu chung

- Rà soát và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy trình của Công ty cho phù hợp với các văn bản pháp luật mới được ban hành, yêu cầu quản lý của Công ty và tình hình thực tế.
- Chủ động giúp Ban Lãnh đạo và hỗ trợ các bộ phận chuyên môn trong việc bảo đảm tính pháp lý, tính tuân thủ, tính chuyên nghiệp và kiểm soát tốt mọi hoạt động của Công ty; ngăn ngừa những sai phạm, vi phạm đạo đức nghề nghiệp và xung đột lợi ích trong hoạt động.
- Chủ động phối hợp phòng ngừa và ngăn chặn, giảm thiểu kịp thời rủi ro hoạt động, rủi ro quản trị điều hành doanh nghiệp.

6.2. Phòng Pháp chế

- Cung cấp ý kiến tư vấn về pháp lý và trực tiếp hỗ trợ trên cơ sở bám theo định hướng kinh doanh, nhằm phục vụ yêu cầu thường xuyên và đột xuất của Ban điều hành và các bộ phận trong quản trị điều hành và hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- Chủ động cập nhật và cải tiến hình thức thông tin văn bản pháp luật, các yêu cầu quy định của cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, thị trường tài chính, ngân hàng, tổ chức hoạt động của doanh nghiệp, dân sự, hành chính, lao động và các lĩnh vực liên quan khác nhằm mục tiêu giúp Ban Điều hành và hỗ trợ các bộ phận chuyên môn trong việc đảm bảo tính pháp lý, tuân thủ nhằm góp phần kiểm soát tốt mọi hoạt động của Công ty; ngăn ngừa những sai phạm, vi phạm đạo đức nghề nghiệp và xung đột lợi ích trong hoạt động. Duy trì bản tin cập nhật văn bản pháp luật hàng quý và bản tin chuyên đề khi có văn bản chuyên ngành về chứng khoán được ban hành.
- Bảo đảm hoàn thành các yêu cầu về tư vấn, soạn thảo, kiểm tra dự thảo hợp đồng, giao dịch với đối tác, khách hàng, phục vụ hoạt động hàng ngày của Công ty.

- Tiếp tục hỗ trợ các đơn vị nghiệp vụ trong việc cập nhật thường xuyên các quy trình nghiệp vụ, quy chế mới được rà soát hệ thống hoá năm 2018. Trong 2019, phối hợp với bộ phận Nhân sự và Kế toán, rà soát sửa đổi quy chế Lao động tiền lương, quy chế Quản lý tài chính, các quy trình, quy chế và các văn bản nội bộ khác.
- Tập trung trọng điểm vào công tác đào tạo nhân sự về pháp luật chứng khoán, đạo đức nghề nghiệp và các vấn đề liên quan khác. Pháp chế tham gia nội dung đào tạo đối với nhân viên mới do Nhân sự tổ chức. Đồng thời, tổ chức/phối hợp với DVCK/IB tổ chức khoảng 2-3 chuyên đề đào tạo nội bộ về Luật Chứng khoán mới; Pháp lý chứng từ nhận diện rủi ro và kỹ thuật văn bản.
- Tập trung tư vấn và hỗ trợ các bộ phận liên quan trong công tác thu hồi nợ xấu.

6.3. Kiểm soát nội bộ

- Hỗ trợ các bộ phận trong việc xây dựng quy trình, quy định và tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát việc thực hiện các quy trình, quy chế, cũng như quy tắc đạo đức nghề nghiệp của các vị trí nghiệp vụ trong Công ty, trong đó chú trọng các quy trình nghiệp vụ liên quan đến giao dịch tín dụng và các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư.
- Thực hiện việc kiểm tra tuân thủ các quy trình, quy chế, cũng như quy tắc đạo đức nghề nghiệp của các vị trí, phòng ban nghiệp vụ trong Công ty, các Chi nhánh, Phòng giao dịch trên toàn quốc theo kế hoạch kiểm tra giám sát định kỳ.
- Tiếp tục đẩy mạnh và tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát việc tuân thủ hoạt động cho vay margin, đồng thời phối hợp các bộ phận liên quan để thu hồi các khoản nợ xấu.
- Là đầu mối liên hệ làm việc với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đồng thời hướng dẫn, phối hợp với các bộ phận khác trong việc giải quyết các vụ việc phát sinh, khiếu nại, tố cáo của khách hàng, cán bộ, nhân viên.
- Thực hiện các yêu cầu kiểm tra đột xuất của Ban Lãnh đạo hoặc phối hợp với các bộ phận, phòng ban nghiệp vụ liên quan.
- Thu thập, tổng hợp ý kiến khách hàng, của các bộ phận trong nội bộ Công ty để có phân tích, đánh giá và đề xuất kiến nghị cho các bộ phận nghiệp vụ và/hoặc tham vấn Tổng Giám đốc về các biện pháp đáp ứng/khắc phục nhằm củng cố, tăng cường chất lượng dịch vụ, chất lượng phục vụ khách hàng.

6.4. Quản trị rủi ro



BÁO CÁO KQKD 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

- Tổ chức triển khai thực hiện và quản lý rủi ro theo Chính sách và hạn mức rủi ro, giao hạn mức rủi ro cho các đơn vị nghiệp vụ.
- Tiếp tục thực hiện chính sách QTRR “Tích Cực, Chủ Động và An Toàn”. Chú trọng tuyển phòng thủ ban đầu (nhân viên/bộ phận tác nghiệp/đơn vị kinh doanh) và đề cao trách nhiệm của đơn vị kinh doanh, đơn vị trực tiếp quản lý nghiệp vụ trong phòng ngừa và kiểm soát rủi ro; kịp thời đề xuất việc phối hợp phòng ngừa và ngăn chặn rủi ro hoạt động, rủi ro quản trị điều hành.
- Thực hiện tổng rà soát và chỉnh sửa hệ thống quy trình nghiệp vụ để quản lý chặt chẽ, phù hợp hơn hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị và quản trị điều hành Công ty.
- Tiếp tục thực hiện công tác hỗ trợ cho các đơn vị khi phát sinh sự vụ, đặc biệt là hỗ trợ Khóik DVCK trong việc xử lý, thu hồi nợ...

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯỜNG NGỌC LÂN